

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/01/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+BK16+TD1	7:25	13+5+4	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
2		PVD2+P4+CTK3	7:25	4+8+10	0+0+0		4+6+12	0+0+0	
3		VSP01+P2	7:25	4+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
4		CTK3+BK20+RP1	7:25	15+0+7	0+0+0		12+0+10	0+0+0	chuyen 3 ctk3- bk20
5		TD2	7:25	19	0		17	0	
6		CTK3+TD3+AMD	9:25	21+0+0	0+0+0		13+7+2	0+0+0	
7		GTCl+VSP02+RP3	9:25	6+7+9	0+0+0		5+0+17	0+0+0	
8		P2+TTCl+ClO	9:25	18+2+0	0+0+0		8+8+6	0+0+0	
9		BK15 +P8+BK15+P4	9:25	3+1+18	0+0+0		1+0+19	0+0+0	tháo 2 ghế chở hàng bk15
10		P6+BK16+P2	11:25	6+4+12	0+0+0		0+4+18	0+0+0	chuyen 3-bk16 p2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/3 người đi bk16 chuyển sang P2 chuyển cuối
2/PPD đổi ca qua P2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2021	TO: RP3 - BK16 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:31
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Luy	ETA: 09:10
TRANG-1			

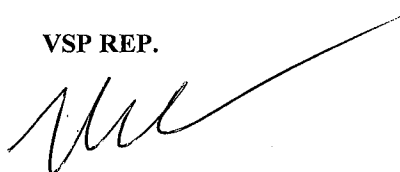
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÀNHTRUNG	RP3	49	1	6	40	75	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ VĂN LUONG	RP3	02	1	4		65	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SEN	RP3	98	1	8		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	93	1	2		59	KHI	Vietnamese
5	LAM TIEN PHI	RP3	97	1	9		79	KHI	Vietnamese
6	BUI VĂN HUNG	RP3	94	1	4		75	KHI	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG DUNG	RP3	96	1	4		79	KHI	Vietnamese
8	ĐUÔNG HỒNG QUẬN	RP3	03	1	6		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HOA	RP3	57	1	11		76	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	04	1	5		79	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC BAO BÌNH	RP3	95	1	3		60	KHI	Vietnamese
12	PHẠM VĂN LẬP	RP3					60	KHI	Vietnamese
13	LẠI VĂN MINH	RP3	99	1	4		62	KHI	Vietnamese
14	TA PHI KHANH	RP3	56	1	2		68	KHI	Vietnamese
15	BUI KIEN ĐỨC	BK16	49-50	2	15		84	D-HANH	Vietnamese
16	LAM HOANG PHUC	BK16	51-52	2	19		100	D-HANH	Vietnamese
17	BUI QUANG NINH	BK16	48	1	5		68	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK16	13	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ MINH ĐỨC	TD1	69	1	16	60	98	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG TRUNG	TD1	90-91	2	19	40	80	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD1	84	1	16		70	DVL	Vietnamese
22	PHẠM TUNG VY	TD1	68	1	10		66	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

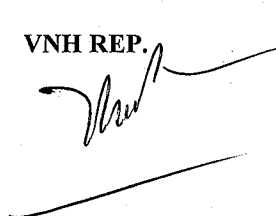
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	13	68	977	40	13		
2	BK16	4	6	45	313	0	3		
3	TD1	4	5	61	314	100	6		
	TOTAL	22	24	174	1.604	140	22		
	WEIGHT KG			174	1.604	140			

GRAND TOAL: 1.918 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: PVD2 - P4 - CTK3	CREW: Hạnh - ĐNam - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUY	PVD2	71	1	12	80	75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC HÙNG	PVD2	72	1	7	40	63	KHOAN	Vietnamese
3	TRƯƠNG QUYẾT THĂNG	PVD2	600	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VIỆT HUÂN	PVD2	78	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN LÊ HUY	P4	44	1	3		70	KHI	Vietnamese
6	PHẠM TRẠI	P4	46	1	4		67	KHI	Vietnamese
7	KOLECHIK A.IO	P4	38-39	2	8		105	KHI	Russian
8	NGUYỄN ĐĂNG TUÂN	P4	45	1	4	50	71	KHI	Vietnamese
9	TẠ XUÂN HIỆU	P4	48	1	5		67	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH CANG	P4	49	1	4		56	KHI	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	47	1	3		76	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	52	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG MINH	CTK3	94	1	4		60	D-HANH	Vietnamese
14	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	95-96	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM MINH TUÂN	CTK3	76-78	3	20		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH HAI	CTK3	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUÂN	CTK3	79	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3					71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CTK3	51	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TUÔNG	CTK3	97	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
21	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	98	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	99	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

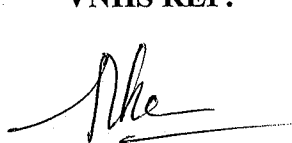
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	4	4	42	282	120	4		
2	P4	8	9	36	582	50	6		
3	CTK3	10	12	72	674	0	12		
TOTAL		22	25	150	1.538	170	22		
WEIGHT KG				150	1.538	170			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

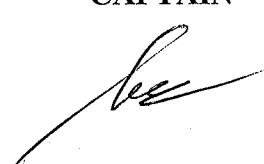
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	TO: VSP01 - P2	CREW: Vận - Thanh - QTrưởng	ETA: 09:30
HONG-1			

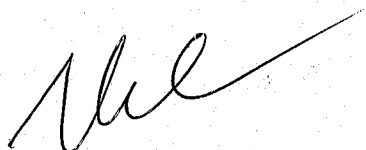
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN KHUONG	VSP01	56	1	5		74	CUC DK 9	Vietnamese
2	DOAN THINH LUONG	VSP01	55	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
3	SABITOV A.A	VSP01					80	KH-THAC	Russian
4	DO DUY LICH	P2	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DOAN HUONG	P2	49	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM TAI	P2	33	1	7		74	KHI	Vietnamese
7	DO CHUNG KIEN	P2	35	1	4		58	KHI	Vietnamese
8	KHARITONOV IOC	P2	31	1	5		80	KHI	Russian
9	BERNHIKOV V.N	P2	32	1	7		110	KHI	Russian
10	HOANG MINH HIEU	P2	47-48	2	14		65	KHI	Vietnamese
11	VU THANH BINH	P2	42	1	4		78	KHI	Vietnamese
12	DO MINH QUAN	P2	38	1	7		90	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TA	P2	46	1	4		70	KHI	Vietnamese
14	PHAM HAI QUANG	P2	41	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	TRAN LE RANG	P2	39,45	2	12		84	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN CONG HIEN	P2	43-44,52	3	12	110	62	KHI	Vietnamese
17	PHUNG VAN CHINH	P2	40	1	5		77	KHI	Vietnamese
18	TRAN DUC DUY	P2	36-37	2	10		70	KHI	Vietnamese
19	PHAM THANH BINH	P2	34	1	6		82	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TIEN	P2	31-32	2	20		80	CDIEN	Vietnamese
21	LE HOANG VU	P2	51	1	7		64	CDIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

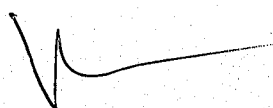
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	3	2	8	214	0	0		
2	P2	18	24	137	1.364	110	22		
TOTAL		21	26	145	1.578	110	22		
WEIGHT KG				145	1.578	110			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

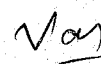
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - BK20 - RP1	CREW: ĐỨC - KHAI - thông	ETA: 09:20
Vàng - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	25	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	27	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	23	1	3	40	55	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	33	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU SỸ	CTK3	34	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	26	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH KHOAT	CTK3	22	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	30	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	28	1	5	80	64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HÀ	CTK3	29	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	32	1	16		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TÂN	CTK3	31	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	24	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỨC	RP1					79	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP1	98	1	7		96	PSV	Vietnamese
17	HÀ QUỐC VINH	RP1	99	1	4		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	05	1	3		78	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN QUÝ	RP1	02	1	10		71	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	04	1	4	30	70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG MẠNH	RP1	03	1	5		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	13	88	961	120	12	13	CHUYỂN 3 KHÁCH TỪ CTK3 SANG BK20
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	RP1	7	6	33	542	30	10		
TOTAL		21	19	121	1.503	150	22		
WEIGHT KG				121	1.503	150			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 5	TO: TD2	CREW: Phương - MMinh	ETA: 10:40
xanh-1			

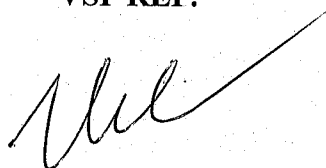
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN QUYẾT	TD2	95	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
2	BUI MẠNH PHÚC	TD2	92	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUẤN	TD2	93	1	8		84	PVD	Vietnamese
4	HUYNH HIEU NGHIA	TD2	88	1	9		78	PVD	Vietnamese
5	PHẠM QUANG QUY	TD2	91-92	2	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ XUÂN THANH	TD2	86	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN THUY	TD2	90	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	TD2	98	1	5	45	71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BẮC	TD2	87	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG VĂN MẠNH	TD2	96	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRẦN SƠN	TD2	93	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
12	K LY	TD2	89	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ THANH TÙNG	TD2	94	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	LUÔNG CÔNG ĐẠT	TD2	99,100	2	10		70	YTE	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HOÀ	TD2					70	PSV	Vietnamese
16	HỒ VĂN TÍNH	TD2	85	1	4		50	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN CHUÔNG	TD2	34	1	5		64	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	TD2	97	1	4		63	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN TỤNG	TD2	98	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	20	100	1.305	45	19		
TOTAL		19	20	100	1.305	45	19		
WEIGHT KG				100	1.305	45			

GRAND TOAL: 1.450 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2021	TO: CTK3 - TD3 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Luy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUYEN VAN THIEU	CTK3	13	1	5	55	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	85-86	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LE DUC HIEP	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO DINH THAM	CTK3	83	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THANH HOAT	CTK3	16	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN DUC BAU	CTK3	84	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	DANG DINH THANG	CTK3	99	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VAN TUAN	CTK3	25	1	7		71	PSV	Vietnamese
10	DO VAN KHANH	CTK3	88	1	2		72	PSV	Vietnamese
11	LE CONG VAN	CTK3	24	1	5		67	PSV	Vietnamese
12	VUONG DINH DONG	CTK3	15	1	4		89	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN THU TRANG	CTK3	19	1	4		76	PSV	Vietnamese
14	HOANG VAN BAC	CTK3					71	PSV	Vietnamese
15	LE VAN MINH	CTK3	23	1	7		86	PSV	Vietnamese
16	PHAM DUC CANH	CTK3	87	1	2		54	PSV	Vietnamese
17	PHAN CONG SAM	CTK3	18	1	4		64	PSV	Vietnamese
18	PHAM XUAN HUNG	CTK3	14	1	6		78	PSV	Vietnamese
19	DINH VAN LUU	CTK3	82	1	5		51	PSV	Vietnamese
20	NG. VAN DANG	CTK3	17	1	6	71	68	TRUONG V.	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	19	105	1.410	126	12		
2	TD3	0	0	0	0	35	7		
3	AMD	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	19	105	1.410	161	21		
WEIGHT KG				105	1.410	161			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: GTC1 - VSP02 - RP3	CREW: Hạnh - ĐNam - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	15	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRƯỜNG AN	GTC1	12	1	5	40	82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	16	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HOÀNG LONG	GTC1	13-14	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	GTC1	10-11	2	14		65	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	17	1	5		63	PSV	Vietnamese
7	PHẠM TUẤN VIỆT	VSP02	85	1	9		90	ĐANG KIE	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	83-84	2	8	28	65	PSV	Vietnamese
9	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	VSP02	88	1	12	35	70	CODIEN	Vietnamese
10	DUƠNG HUY HÙNG	VSP02	91	1	7	12	68	CODIEN	Vietnamese
11	BUI VIỆT HẠNH	VSP02	89	1	5		47	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	90	1	5		71	CODIEN	Vietnamese
13	VU TRỌNG NGHĨA	VSP02	81-82	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HUU NHAN	VSP02	86-87	2	10		76	NIPI	Vietnamese
15	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	66	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP3	61	1	4		58	PSV	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC CHI	RP3	63	1	5		59	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HIỆU	RP3	60	1	4		45	PSV	Vietnamese
19	PHAN SỸ CAO	RP3	65	1	3		60	PSV	Vietnamese
20	TRẦN BA MẠU	RP3	62	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HIỆU	RP3	67	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	BUI QUỐC DƯƠNG	RP3	64	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	6	8	49	418	40	5		
2	VSP02	8	11	68	552	75	0		
3	RP3	8	8	35	467	0	17		
TOTAL		22	27	152	1.437	115	22		
WEIGHT KG				152	1.437	115			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2021	TO: P2 - TTC1 - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - thông	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THANH	P2	54	1	4		55	KHI	Vietnamese
2	ĐO VÂN THANH	P2	53	1	7		83	KHI	Vietnamese
3	TRINH CÔNG BÌNH	P2	58	1	6		64	KHI	Vietnamese
4	ĐOÀN MẠNH TOÀN	P2					90	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THANH	P2	56	1	5		56	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN NAM	P2	55	1	4		65	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC HOA	P2	57	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	LÊ QUANG NINH	P2					67	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TUÂN	P2	62	1	8	21	60	T-TIN	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN PHONG	P2	64	1	9		68	T-TIN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LƯU	P2	48	1	5		73	PSV	Vietnamese
12	QUÁCH SỸ TÝ	P2	50	1	5		71	PSV	Vietnamese
13	PHAN THANH HAI	P2	46	1	3		66	PSV	Vietnamese
14	HOANG VAN TRONG	P2	51	1	5		105	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TIẾN BANG	P2	47	1	3		61	PSV	Vietnamese
16	VŨ THỊ LIÊN	P2	59	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KIẾN	P2	49	1	3		69	PSV	Vietnamese
18	LÊ HỮU TỬ	P2	60	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN GIANG	P2	61	1	3		58	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LAM	P2	52	1	6		92	ANTOAN	Vietnamese
21	TRẦN NGỌC THÈ	TTC1	33	1	12	80	65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN LỘC	TTC1	31-32	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	18	91	1.412	21	8		
2	TTC1	2	3	28	125	80	8		
3	CLO	0	0	0	0	40	6		
TOTAL		22	21	119	1.537	141	22		
WEIGHT KG				119	1.537	141			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	TO: BK15 - P8 - P4	CREW: Thanh - Vận - QTrưởng	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG KHANH	BK15	77	1	5	140	85	DK9	Vietnamese
2	LÊ QUANG BÌNH	P8	03	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO ĐỨC HAI	P8	02	1	5	20	80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	P8	04	1	5		46	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	60	1	5		77	KHI	Vietnamese
6	PHAN HỒNG TÂM	P4	68-69	2	16		60	KHI	Vietnamese
7	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	P4	66-67	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	63	1	2		70	KHI	Vietnamese
9	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	43	1	7		62	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4	62	1	5		77	KHI	Vietnamese
11	BUI HUU LAN	P4	64	1	4		79	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	61	1	4		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	55-56	2	12	40	80	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGHỊ	P4	65	1	2		72	PSV	Vietnamese
15	TRẦN THANH LIÊM	P4	58	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN MUỘI	P4	59	1	4		55	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	40	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	41-42	2	12		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN AI	P4	57	1	2		56	PSV	Vietnamese
20	BUI ĐỨC CHÍNH	P4	54	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	1	1	5	85	140	0		Tháo 2 ghế 'chó' hàng
2	P8	3	3	17	200	20	1		
3	P4	16	20	100	1.093	40	19		
TOTAL		20	24	122	1.378	200	20		
WEIGHT KG				122	1.378	200			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	TO: P6 - BK16 - P2	CREW: HUNG - Dương - DTùng	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG TUÂN	P6	57	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN KÝ TUÂN	P6	58	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN TRĂNG	P6	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TUÂN	P6	54-55	2	15	30	70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN DUY TIỀN	P6	56	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN TUÂN ANH	P6	51-52	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY TUÂN	BK16	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH ĐIỆN	BK16	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	59	1	3	35	72	PSV	Vietnamese
10	BUI SONG TOAN	BK16	53	1	5		73	DK9	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LIEU	BK16	54	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG MANH GIANG	P2	68	1	6		67	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH ĐÔNG	P2					46	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN DINH LAM	P2	67	1	6		77	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ VIỆT LONG	P2	73	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÍNH	P2	71-72	2	15	40	75	CODIEN	Vietnamese
17	HOANG HUU TRONG	P2	74	1	7		69	CODIEN	Vietnamese
18	NÔNG MINH HẢI	P2	75	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN MINH TRUNG	P2	70	1	7		62	DUY LINH	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG DÂN	P2	69	1	8		70	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	6	8	57	431	30	0		CHUYEN 3 PAX BK16 SANG P2
2	BK16	5	5	23	362	35	4+3		
3	P2	9	9	66	601	40	18		
TOTAL		20	22	146	1.394	105	22		
WEIGHT KG				146	1.394	105			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN